

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án: Đập dâng Hà Thanh 2**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về Quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, dự án Đập dâng Hà Thanh 2;

Căn cứ Văn bản số 2515/SNNMT-KHTH ngày 09/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Đập dâng Hà Thanh 2;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 535/TTr-SNNMT ngày 11/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Đập dâng Hà Thanh 2, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đập dâng Hà Thanh 2.

2. Mã số thông tin công trình: 8136287 (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng).

3. Địa điểm xây dựng: huyện Vân Canh, huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh thiết kế Đập dâng Hà Thanh 2 (Liên danh Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung và Công ty TNHH Phát triển công nghệ Việt Long).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Nhóm dự án: nhóm B.
- Loại công trình: công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: đập dâng, hệ thống tưới cấp III, kè bảo vệ bờ cấp IV; nhà quản lý, hệ thống điện cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình chính: thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Mục tiêu dự án

Trữ nước tạo nguồn, bổ sung lưu lượng vào mùa khô đảm bảo nhu cầu nguồn nước phục vụ sinh hoạt, cấp nước tưới cho nông nghiệp, cấp nước cho công nghiệp khu vực dự án (xã Canh Vinh thuộc huyện Vân Canh, xã Phước Thành và Phước An thuộc huyện Tuy Phước, xã Phước Mỹ thuộc thành phố Quy Nhơn); cải tạo cảnh quan môi trường, điều hòa khí hậu khu vực; kết hợp giao thông trên đập thay thế cho cầu Bình Long (xã Canh Vinh) đã bị gãy; góp phần phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

9.1 Quy mô đầu tư

Xây dựng đập dâng trên sông Hà Thanh thuộc xã Canh Vinh, cách cầu Canh Vinh về hạ lưu khoảng 530m (vị trí cầu Bình Long cũ); đập dài 180m, kết cấu bằng bê tông cốt thép, gồm các cửa xả sâu và đường tràn hai bên, điều tiết đóng mở bằng máy tời điện; kết hợp cầu giao thông qua đập tải trọng 0,65HL93 (thay thế cầu Bình Long cũ đã bị gãy). Xây dựng kè bảo vệ thượng, hạ lưu đập. Xây dựng tuyến kênh tưới kết nối vào kênh tưới các trạm bơm hiện trạng và xây dựng mới các trạm bơm thay thế trạm bơm cũ để tưới cho 570ha đất canh tác. Xây dựng nhà quản lý vận hành. Lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc tự động. Xây dựng hệ thống điện vận hành. Cải tạo, sửa chữa tuyến đường quản lý vận hành hai đầu đập.

9.2. Phương án thiết kế cơ sở (phương án chọn)

9.2.1. Đập dâng

Xây dựng đập dâng kết cấu bằng bê tông cốt thép M300 rộng 180m, đập có 10 cửa, mỗi cửa rộng 10m và 2 khoang tràn tự do, mỗi khoang rộng 29,65m (tổng chiều rộng thoát lũ 159,30m), gia cố nền bằng cọc bê tông cốt thép M300, chống thấm nền bằng cừ Larsen, trên đập bố trí cầu công tác kết hợp giao thông, đóng mở cửa van phẳng bằng thép, vận hành bằng tời điện.

9.2.2. Kè bảo vệ bờ

- Tuyến kè bờ tả: xây dựng tuyến kè bờ tả nối tiếp thượng, hạ lưu đập, với tổng chiều dài 94m, kết cấu thân kè đắp đất đầm chặt K95, kết cấu mái kè bằng bê tông tấm lát đúc sẵn dày 12cm trong khung giằng bê tông cốt thép M250, chân kè

đá học đổ rồi, mặt kê đổ bê tông M250. Nâng cao trình đỉnh kê hiện trạng thượng, hạ lưu cầu Canh Vinh dài 515m để chống ngập.

- Tuyến kê bờ hữu: xây dựng tuyến kê bờ hữu nối tiếp thượng, hạ lưu đập, với tổng chiều dài 1.042m, kết cấu thân kê đắp đất đầm chặt K95, kết cấu mái kê bằng bê tông tấm lát đúc sẵn dày 12cm trong khung giằng bê tông cốt thép M250, chân kê đá học đổ rồi, mặt kê đổ bê tông M250, mái phía đồng gia cố bê tông M200.

9.2.3. Kênh tưới

- Tuyến kênh bờ tả:

- + Tuyến kênh chính: lấy nước từ công đầu mỗi đập dâng, dẫn nước về đầu nối vào các kênh trạm bơm với tổng chiều dài 6.830m để tưới cho 470ha đất canh tác, kiểu kênh hộp và chữ U kết cấu bằng bê tông cốt thép M200, và ống HDPE D900mm. Xây dựng 42 công trình trên kênh.

- + Tuyến kênh nhánh: lấy nước từ kênh chính để tưới với tổng chiều dài 1.000m, kiểu kênh chữ U, kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 và bê tông M200. Xây dựng 13 công trình trên kênh.

- Tuyến kênh bờ hữu: lấy nước từ trạm bơm đầu mỗi đập dâng, dẫn nước về đầu nối vào các kênh trạm bơm với tổng chiều dài 1.353,7m để tưới cho 100ha đất canh tác, kiểu kênh ống HDPE D500mm và kênh chữ U kết cấu kênh bằng bê tông cốt thép M200. Xây dựng 07 công trình trên kênh.

9.2.4. Trạm bơm

- Trạm bơm Cây Me: xây dựng mới trạm bơm thay thế cho trạm bơm cũ tưới cho 35ha, lấy nước trên kênh chính bờ tả.

- Trạm bơm 2/9: xây dựng mới trạm bơm lấy nước trên kênh chính bờ tả tưới cho 15ha đất canh tác còn lại trên cao không tưới tự chảy được.

- Trạm bơm bờ hữu: xây dựng mới trạm bơm lấy nước từ đập dâng tưới cho 100ha diện tích đất canh tác (bao gồm 37ha khu tưới trạm bơm Gò Bồi và 63ha khu tưới trạm bơm Mỹ Lợi hiện trạng).

9.2.5. Nhà quản lý: xây dựng mới nhà quản lý vận hành, diện tích xây dựng 40m², kết cấu bê tông cốt thép, gạch xây.

9.2.6. Hệ thống điện

- Xây dựng trạm biến áp 160 kVA tại đầu mỗi đập dâng và trạm biến áp 30 kVA tại trạm bơm 2/9.

- Xây dựng tuyến điện 22kV và tuyến điện 0,4kV để cấp điện cho nhà điều hành, máy đóng mở cửa van, các trạm bơm và hệ thống điện chiếu sáng cho đập dâng.

9.2.7. Thiết bị giám sát vận hành: lắp đặt thiết bị đo mưa, đo nước và camera giám sát vận hành.

9.2.8. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình: chi tiết Phụ lục 01 kèm theo.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này

Kèm theo Quyết định này hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được thẩm định và đóng dấu xác nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường kèm theo Văn bản số 2515/SNNMT-KHTH ngày 09/6/2025.

11. Số bước thiết kế, danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

11.1. Số bước thiết kế: thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 04-05/2022/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai. Phần 1: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- QCVN QTĐ-5:2009/BCT, QCVN QTĐ-6:2009/BCT, QCVN QTĐ-:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện;

- TCVN 12845:2020: Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- TCVN 12571:2018: Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn trong giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 9137:2023: Công trình thủy lợi- Đập bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9147:2012: Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;

- TCVN 8419:2022: Công trình bảo vệ đê, bờ sông - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 8422:2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- TCVN 4118:2021: Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4253:2012: Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9164:2012: Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh;

- TCVN 8298:2009: Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép;

- TCVN 8477:2018: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8478:2018: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: 280.000.000.000 đồng (*bằng chữ: hai trăm tám mươi tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB	:	30.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng	:	189.048.069.000 đồng;
- Chi phí thiết bị		25.627.128.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	3.710.363.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	10.152.941.000 đồng;
- Chi phí khác	:	4.395.539.000 đồng;
- Chi phí dự phòng	:	17.065.960.000 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025 - 2028.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

Nguồn vốn đầu tư và bố trí kế hoạch vốn thực hiện theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, dự án Đập dâng Hà Thanh 2, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện dự án: vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý.
- Khả năng cân đối các nguồn vốn: vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý cân đối bố trí trong giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định là ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành làm chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

17. Các nội dung khác

17.1. Đơn vị quản lý, vận hành công trình

- Giao Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định tiếp nhận quản lý, vận hành các hạng mục: đập dâng (bao gồm thiết bị giám sát vận hành), hệ thống điện, nhà quản lý, kênh chính bờ tả, trạm bơm Cây Me, trạm bơm 2/9, trạm bơm và tuyến kênh bờ hữu.

- Giao địa phương tiếp nhận quản lý, vận hành phạm vi dự án đầu tư trên địa bàn xã nào thì bàn giao cho xã đó tiếp nhận quản lý, vận hành bao gồm: các tuyến đê, kè, các tuyến kênh nội đồng, các hạng mục hoàn trả hạ tầng hiện trạng.

17.2. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi: chi tiết Phụ lục 02 kèm theo.

17.3. Diện tích đất sử dụng: khoảng 15 ha.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XIII; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

[Signature]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01
BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÔNG TRÌNH
Dự án: Đập dâng Hà Thanh 2
(Kèm theo Quyết định số 2003 /QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông số thủy văn		
1	Cao trình MN lũ chính vụ tần suất P=0,5%	m	15,75
2	Cao trình mực nước lũ chính vụ tần suất P=1,5%	m	15,03
3	Cao trình mực nước lũ chính vụ tần suất P=5%	m	13,37
4	Lưu lượng lũ chính vụ tần suất P=0,5%	m ³ /s	7.798
5	Lưu lượng lũ chính vụ tần suất P=1,5%	m ³ /s	5.916
6	Lưu lượng lũ chính vụ tần suất P=5%	m ³ /s	2.921
II	Đập dâng		
1	Tuyến chọn		Tại vị trí cầu Bình Long hiện trạng
2	Hình thức		Đập có cửa điều tiết kết hợp tràn tự do
3	Kết cấu đập		Bê tông cốt thép M300
4	Cao độ mực nước thiết kế trước đập (MNDBT)	m	11,70
5	Cao độ sân trước	m	6,50
6	Cao độ ngưỡng đập	m	7,0
7	Cao độ đáy bể tiêu năng khoang xả sâu	m	5,50
8	Cao độ đáy bể tiêu năng khoang tràn tự do	m	6,10
9	Cao độ sân sau	m	6,50
10	Cao độ đỉnh đập (mặt cầu giao thông)	m	15,40 ÷ 16,00
11	Cao độ sàn lắp máy đóng mở	m	22,0
12	Số khoang có cửa xả	khoang	10,0
13	Chiều rộng một khoang	m	10,0
14	Tổng chiều dài tràn nước qua cửa xả	m	100,0
15	Tổng chiều dài phần có cửa (Kể cả tường, trụ)	m	118,50
16	Tràn tự do 2 phía		
-	Hình thức tràn		Tràn thành mỏng

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
-	Cao trình ngưỡng tràn	m	11,70
-	Chiều rộng	m	2 x 29,65
-	Tổng chiều dài đập (kể cả tràn và tường, trụ)	m	61,50
17	Chiều dài gia cố sân trước	m	20,0
18	Chiều dài ngưỡng đập	m	13,0
19	Chiều dài bể tiêu năng	m	12,0
20	Chiều dài gia cố sân sau	m	35,0
21	Chiều sâu bể tiêu năng (khoảng xả sâu)	m	1,30
22	Chiều sâu bể tiêu năng (khoảng tràn tự do)	m	0,70
23	Chống thấm qua nền đập		Cừ Larsen
24	Gia cố nền đập		Cọc bê tông cốt thép M300
III	Cầu giao thông qua đập		
1	Tải trọng qua cầu		0,65HL93
2	Hình thức cầu		Cầu dầm I, bê tông cốt thép M300 dự ứng lực
3	Chiều rộng toàn mặt cầu	m	8,0
4	Chiều rộng phần xe chạy	m	6,0
5	Lề bộ hành	m	2 x 1,0
6	Số nhịp	nhịp	14,0
7	Chiều dài nhịp	m	10 x 11,80; 4 x 15,60
8	Tổng chiều dài cầu (tính từ 2 đuôi móng)	m	183,0
IV	Thiết bị cơ khí đập dâng		
1	Loại cửa van		Cửa van phẳng bằng thép
2	Kích thước cửa van (BxH)	m	10,50 x 4,90
3	Số cửa van	bộ	10,0
4	Thiết bị đóng mở		Tời điện 10T, 2 tang
V	Tuyến kè bảo vệ thượng, hạ lưu đập		
V.1	Tuyến kè bờ tả		
1	Tổng chiều dài kè	m	94,0
2	Cao độ đỉnh kè	m	14,00 ÷ 14,98
3	Cao độ chân kè	m	6,5
4	Kết cấu kè		Đắp đất đầm chặt K95, mái kè bằng bê tông tấm lát đúc sẵn dày 12cm trong khung giằng bê tông cốt thép M250, chân kè đá hộc đổ rời, mặt kè đổ bê tông M250

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
V.2	Tuyến kè thượng, hạ lưu cầu Canh Vinh		
1	Tổng chiều dài kè	m	515,0
2	Cao độ đỉnh kè	m	12,5
V.3	Tuyến kè bờ hữu		
1	Tổng chiều dài kè	m	1.042,0
2	Cao độ đỉnh kè	m	
	- Đoạn thượng lưu	m	14,00 ÷ 14,98
	- Đoạn hạ lưu	m	14,94 ÷ 12,50
3	Cao độ chân kè	m	
	- Đoạn thượng lưu	m	6,80 ÷ 6,50
	- Đoạn hạ lưu	m	6,20 ÷ 9,18
4	Kết cấu kè		Đắp đất đầm chặt K95, mái kè bằng bê tông tấm lát đúc sẵn dày 12cm trong khung giằng bê tông cốt thép M250, chân kè đá hộc đổ rời, mặt kè đổ bê tông M250, mái phía đồng gia cố bê tông M200
VI	Tuyến kênh bờ tả		
VI.1	Tuyến kênh chính		
1	Tổng chiều dài	m	6.830,0
2	Độ dốc đáy kênh	i	0,0001; 0,00014
3	Kích thước (b x h)	m	(1,55 ÷ 1,20) x (1,75 ÷ 1,60)
4	Kết cấu		Bê tông cốt thép M200 và HDPE D900mm
5	Công trình trên kênh	cái	42,0
VI.2	Tuyến kênh nhánh 2/9		
1	Tổng chiều dài	m	230,0
2	Độ dốc đáy kênh	i	0,0005
3	Kích thước (b x h)	m	0,9 x 1,0
4	Kết cấu		Bê tông cốt thép M200
5	Công trình trên kênh	cái	03
VI.3	Tuyến kênh nhánh mở rộng khu tưới 35ha		
1	Tổng chiều dài	m	770,0
2	Độ dốc đáy kênh	i	0,001
3	Kích thước (b x h)	m	0,4 x 0,5
4	Kết cấu		Bê tông M200
5	Công trình trên kênh	cái	10

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
VII	Tuyến kênh bờ hữu		
1	Tổng chiều dài	m	1.353,7
2	Độ dốc đáy kênh	i	0,001
3	Kích thước (b x h)	m	0,5 ÷ 0,6
4	Kết cấu		Bê tông cốt thép M200 và HDPE D500mm
5	Công trình trên kênh	cái	07
VIII	Trạm bơm		
VIII.1	Trạm bơm Cây Me		
1	Loại máy bơm		Bơm hỗn lưu trục ngang HL 290-6
2	Lưu lượng trạm bơm	m ³ /h	250
3	Lưu lượng máy bơm	m ³ /h	250 - 320
4	Số lượng máy bơm	máy	02 máy (01 máy dự phòng)
5	Cột áp (H)	m	5,0 - 7,0
6	Số vòng quay (N)	v/p	1.450
7	Công suất động cơ (N _{đc})	KW	7,5
8	Cao trình sàn đặt máy	m	14,0
9	Đường kính ống hút/xả	mm	300/250
10	Kết cấu nhà trạm		Khung bê tông cốt thép, mái lợp tôn
VIII.2	Trạm bơm 2/9		
*	Trạm bơm		
1	Loại máy bơm		Bơm chìm 150DL 57,5 7,5kW
2	Lưu lượng trạm bơm	m ³ /h	150
3	Lưu lượng máy bơm	m ³ /h	60 - 204
4	Số lượng máy bơm	máy	02 máy (01 máy dự phòng)
5	Cột áp (H)	m	7,7 - 17,0
6	Số vòng quay (N)	v/p	1.450
7	Công suất động cơ (N _{đc})	KW	7,5
8	Đường kính ống hút/xả	mm	200/150
9	Kết cấu nhà trạm		Khung bê tông cốt thép, mái ngói
*	Đoạn kênh ống đẩy		
1	Chiều dài	m	217,0
2	Kết cấu		Ống HDPE D280mm
VIII.3	Trạm bơm bờ hữu		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Loại máy bơm		Bơm ly tâm một cấp trục ngang LT 270-12
2	Lưu lượng trạm bơm	m ³ /h	240 x 3 = 720
3	Lưu lượng máy bơm	m ³ /h	190 - 300
4	Số lượng máy bơm	máy	04 máy (01 máy dự phòng)
5	Cột áp (H)	m	8,5 - 15,0
6	Số vòng quay (N)	v/p	1.450
7	Công suất động cơ (N _{đc})	KW	15
8	Cao trình sàn đặt máy	m	14,8
9	Đường kính ống hút/xả	mm	300/250
10	Kết cấu nhà trạm		Khung bê tông cốt thép, mái bằng bê tông cốt thép
IX	Nhà quản lý		
1	Diện tích xây dựng	m ²	40,0
2	Kết cấu		Bê tông, gạch xây
X	Hệ thống điện		
1	Trạm biến áp 160kVA-22/0,4kV	trạm	1,0
2	Trạm biến áp 30kVA-22/0,4kV	trạm	1,0
3	Đường dây 22kV	m	322,0
4	Đường dây 0,4kV	m	607,0
5	Đường dây chiếu sáng	m	137,0
XI	Thiết bị giám sát vận hành		Lắp đặt thiết bị đo mưa, đo nước và camera giám sát vận hành

Phụ lục 02**ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI GIỮA CÔNG TY TNHH
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ DÙNG NƯỚC****Dự án: Đập dâng Hà Thanh 2***(Kèm theo Quyết định số 2003 /QĐ-UBND ngày 13 /6 /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Danh mục	Vị trí điểm giao nhận	Diện tích (ha)	Đơn vị nhận
I	Kênh bờ tả	06 (điểm)	470,0	
1	Kênh trạm bơm Cây Me	Cửa điều tiết cuối bể xả trạm bơm	35,0	HTXNN Bắc Tăng
2	Kênh chính	K1+610	95,0	HTXNN Phước Thành
3	Kênh trạm bơm 2/9	Cửa điều tiết cuối kênh đường ống	15,0	HTXNN Phước Thành
4	Kênh chính	K4+434	20,0	HTXNN Phước Thành
5	Kênh chính	K4+930	15,0	HTXNN Phước Thành
6	Kênh chính	Kc (bể xả trạm bơm An Trạch)	290,0	HTXNN Phước An
II	Kênh bờ hữu	02 (điểm)	100,0	
1	Kênh chính	K0+830 (bể xả trạm bơm Gò Bồi)	37,0	HTXNN Bắc Tăng
2	Kênh chính	Kc (bể xả trạm bơm Mỹ Lợi)	63,0	HTXNN Phước Mỹ
	Tổng cộng	08 (điểm)	570,0	